

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 33/TTP/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm**

**2. Thành phần chính:**

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: Nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Lớp nhựa PE

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất**

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng trong thùng cartons đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

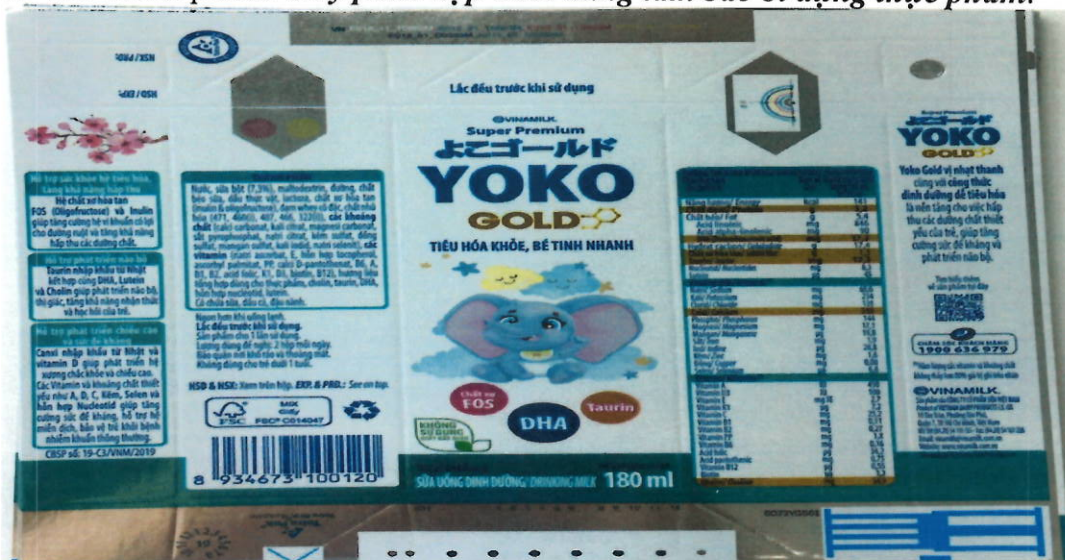
- Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài bảo vệ.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Tên nhà máy sản xuất: TETRAPAK JURONG PTE LTD
- Địa chỉ nhà sản xuất: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

1. Mô tả sản phẩm: **Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm.**



VN 0874, 10, T00000, 0874, 20, T00000, 0874, 30, P00000, 0874, 50, P00000, 0874, 40, T00000, C01

**TIẾP SỨC GIỜ RA CHƠI**

**THÀNH PHẦN**

Nước, sữa bột tách kem (skimmed milk powder) PROTOMALT™ 3,3% (chứa sữa từ miền sữa sạch - extract from milked baries), đường, dầu bơ từ sữa (milk fat), dầu thực vật, bột cacao, bột whey từ sữa (from milk), sữa glucose, các khoáng chất (calcium phosphate, magnesium carbonate, sắt pyrophosphate), các vitamin B2, B6, B12, D3, chất màu tự nhiên 322b1 - chiết xuất từ dầu hạnh nhân (almond), chiết xuất gừng 407, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 950) và hương vani tổng hợp.

Như câu khuyến nghị: sử dụng sản phẩm cho trẻ từ 6 tuổi trở lên và 2 thìa sữa bột 180 ml MILO mỗi ngày. Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Dùng trực tiếp. Ngọn hùn khi uống lạnh.

Chỉ y an toàn: Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

HSD: xem trên bao bì sản phẩm. NSK: 8 tháng trước hạn sử dụng. Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 91-2018/NVL.

MIX GẤU FSC® C014047

**Nestlé MILO**

Thức Uống Lúa Mạch Uống Liền

**Các chất dinh dưỡng trung bình trong 180 ml NESTLÉ MILO®**

|              |          |
|--------------|----------|
| Năng lượng   | 109 kcal |
| Chất béo     | 2,5 g    |
| Chất đạm     | 3,6 g    |
| Carbohydrate | 16,8 g   |
| Can-xi       | 104 mg   |
| Phốt-pho     | 69,2 mg  |
| Sắt          | 1,80 mg  |
| Vitamin B2   | 0,24 mg  |
| Vitamin B6   | 0,24 mg  |
| Vitamin B12  | 0,21 µg  |
| Vitamin D    | 0,9 µg   |

**Mách bạn**

Để trẻ khỏe năng động, mẹ hãy khuyến khích trẻ vận động và luyện tập thể thao mỗi giờ ra chơi.

**NUTRITIONAL COMPASS®**

Phẩm được cấp chứng chỉ của Société des Produits Nestlé S.A. 439295602

Barcode: 8 934804 025766

Good Food, Good Life

**Nestlé**

Nestlé Việt Nam  
KCN Biên Hòa 2  
Phường 1, Long Bình  
Thị trấn Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2 Hộp MILO mỗi ngày cho 2 Giờ ra chơi sáng/chiều

Tư vấn: 1800-6699 (Miễn phí cuộc gọi)

www.nestle.com.vn

VN 0874, 10, T00000, 0874, 20, T00000, 0874, 30, P00000, 0874, 40, T00000, C01

**TIẾP SỨC GIỜ RA CHƠI**

**THÀNH PHẦN**

Nước, sữa bột tách kem (skimmed milk powder) PROTOMALT™ 3,3% (chứa sữa từ miền sữa sạch - extract from milked baries), đường, dầu bơ từ sữa (milk fat), dầu thực vật, bột cacao, bột whey từ sữa (from milk), sữa glucose, các khoáng chất (calcium phosphate, magnesium carbonate, sắt pyrophosphate), các vitamin B2, B6, B12, D3, chất màu tự nhiên 322b1 - chiết xuất từ dầu hạnh nhân (almond), chiết xuất gừng 407, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 950) và hương vani tổng hợp.

Như câu khuyến nghị: sử dụng sản phẩm cho trẻ từ 6 tuổi trở lên và 2 thìa sữa bột 180 ml MILO mỗi ngày. Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Dùng trực tiếp. Ngọn hùn khi uống lạnh.

Chỉ y an toàn: Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

HSD: xem trên bao bì sản phẩm. NSK: 8 tháng trước hạn sử dụng. Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 91-2018/NVL.

MIX GẤU FSC® C014047

**Nestlé MILO**

Thức Uống Lúa Mạch Uống Liền

**Các chất dinh dưỡng trung bình trong 180 ml NESTLÉ MILO®**

|              |          |
|--------------|----------|
| Năng lượng   | 109 kcal |
| Chất béo     | 2,5 g    |
| Chất đạm     | 3,6 g    |
| Carbohydrate | 16,8 g   |
| Can-xi       | 104 mg   |
| Phốt-pho     | 69,2 mg  |
| Sắt          | 1,80 mg  |
| Vitamin B2   | 0,24 mg  |
| Vitamin B6   | 0,24 mg  |
| Vitamin B12  | 0,21 µg  |
| Vitamin D    | 0,9 µg   |

**Mách bạn**

Để trẻ khỏe năng động, mẹ hãy khuyến khích trẻ vận động và luyện tập thể thao mỗi giờ ra chơi.

**NUTRITIONAL COMPASS®**

Phẩm được cấp chứng chỉ của Société des Produits Nestlé S.A. 439295602

Barcode: 8 934804 025766

Good Food, Good Life

**Nestlé**

Nestlé Việt Nam  
KCN Biên Hòa 2  
Phường 1, Long Bình  
Thị trấn Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2 Hộp MILO mỗi ngày cho 2 Giờ ra chơi sáng/chiều

Tư vấn: 1800-6699 (Miễn phí cuộc gọi)

www.nestle.com.vn

**\*\* Ghi chú: Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa**

## 2. Nhãn sản phẩm dự kiến:

| Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa                                                                                                              |  | Pallet Number / Pa-let số                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>SP VNM OPTIMUM GOLD TBA200SMF</b><br>Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa<br><b>DVN-C799 -06</b><br>CN CTY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM                   |  | <b>2</b><br>EAN<br>893467311334<br>Global Id<br>930887378<br>TBA/J                                                                                                                                                                                                  |  |
| Pallet Contents / Pa-let gồm<br>4-0003 / 14000<br>5-0003 / 14000<br>6-0004 / 14000<br>4-0004 / 14000<br>5-0004 / 14000<br>6-0005 / 14000<br>4-0005 / 14000 |  | Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất<br><b>P531-0762197</b><br>Country Code<br><b>115</b><br>Content<br><b>97329004319878</b><br>SSCC<br><b>373295307621970028</b><br>Batch / Lô sản xuất<br><b>0762197002</b><br>Customer Part Number<br><b>R2HO11</b> |  |
| Made in / Sản xuất tại Singapore<br>Nhà nhập khẩu: CTCP Sữa Việt Nam<br>Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật: Xem tài liệu đính kèm                      |  | Date / Ngày<br><b>07</b><br>Validity / Hạn sử dụng<br><b>098000</b><br>Prod Date / Ngày sản xuất<br><b>07.08.19</b><br>Best Before / Hạn sử dụng<br><b>05.08.20</b>                                                                                                 |  |
| (02)97329004319878(11)190807(37)07(241)R2HO11                                                                                                              |  | (00)373295307621970028(30)98000(10)0762197002                                                                                                                                                                                                                       |  |

| Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa                                                                                                              |  | Pallet Number / Pa-let số                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>SP VNM DIELAC ALPHA GOLD IQ TBA200SMF</b><br>Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa<br><b>DVN-C664 -09</b><br>CN CTY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM           |  | <b>4</b><br>EAN<br>893467311334<br>Global Id<br>931011303<br>TBA/J                                                                                                                                                                                                  |  |
| Pallet Contents / Pa-let gồm<br>7-0003 / 14000<br>5-0003 / 14000<br>3-0003 / 14000<br>1-0003 / 14000<br>6-0004 / 14000<br>6-0004 / 14000<br>4-0004 / 14000 |  | Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất<br><b>P531-0763836</b><br>Country Code<br><b>115</b><br>Content<br><b>97329004167660</b><br>SSCC<br><b>373295307638360041</b><br>Batch / Lô sản xuất<br><b>0763836004</b><br>Customer Part Number<br><b>R2HG14</b> |  |
| Made in / Sản xuất tại Singapore<br>Nhà nhập khẩu: CTCP Sữa Việt Nam<br>Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật: Xem tài liệu đính kèm                      |  | Date / Ngày<br><b>07</b><br>Validity / Hạn sử dụng<br><b>098000</b><br>Prod Date / Ngày sản xuất<br><b>18.08.19</b><br>Best Before / Hạn sử dụng<br><b>16.08.20</b>                                                                                                 |  |
| (02)97329004167660(11)190818(37)07(241)R2HG14                                                                                                              |  | (00)373295307638360041(30)98000(10)0763836004                                                                                                                                                                                                                       |  |

| Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa                                                                                                |  | Pallet Number / Pa-let số                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>SP VNM DIELAC GROW PLUS TBA200SMF</b><br>Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa<br><b>DVN-C988 -05</b><br>CN CTY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM |  | <b>4</b><br>EAN<br>893467311334<br>Global Id<br>931199011<br>TBA/J                                                                                                                                                                                                          |  |
| Pallet Contents / Pa-let gồm<br>6-0008 / 14000<br>4-0008 / 14000<br>5-0008 / 14000<br>4-0009 / 12820                                         |  | Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất<br><b>P531-0766043</b><br>Country Code<br><b>115</b><br>GTIN of Content<br><b>97329004475598</b><br>SSCC<br><b>373295307660430040</b><br>Batch / Lô sản xuất<br><b>0766043004</b><br>Customer Part Number<br><b>R2HL11</b> |  |
| Made in / Sản xuất tại Singapore<br>Nhà nhập khẩu: CTCP Sữa Việt Nam<br>Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật: Xem tài liệu đính kèm        |  | Date / Ngày<br><b>04</b><br>Validity / Hạn sử dụng<br><b>054820</b><br>Prod Date / Ngày sản xuất<br><b>16.09.19</b><br>Best Before / Hạn sử dụng<br><b>14.09.20</b>                                                                                                         |  |
| (02)97329004475598(11)190918(37)04(241)R2HL11                                                                                                |  | (00)373295307660430040(30)54820(10)0766043004                                                                                                                                                                                                                               |  |

**\*\* Ghi chú: Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa**

### 3. Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Tên sản phẩm: **Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm**

**Vật liệu cấu tạo:** Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: Nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Lớp nhựa PE

**Kích thước sản phẩm:** Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

**Hướng dẫn bảo quản:**

- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên liệu khác.
- Các cuộn bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm.
- Pallet có thể chất tối đa 3 lớp.
- Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng.
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độ C – 40 độ C.

**Ngày sản xuất:** xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

**Hạn sử dụng:** xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

**Xuất xứ:** Singapore

- **Nhà sản xuất:** TETRA PAK JURONG PTE LTD

- **Địa chỉ:** 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

**Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá bởi:**

Thương nhân nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM

Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty kinh doanh sản phẩm *Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo: **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



*Đường Ngọc Thủy Vy*